TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/DS – PT
Ngày: 16/01/2018
V/v "Yêu cầu quyền về lối đi qua"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Các thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy
Ông Bùi Thế Xương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Thủy Tiên– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre*:** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 337/2017/TLPT- DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc *"Yêu cầu quyền về lối đi qua"*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 73/2017/DS – ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 341/2017/QĐ – PT ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà Lê Thị Thúy H, sinh năm: 1964; (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1947; (có mặt).

2. Ông Dương Trung C, sinh năm: 1948;

Người đại diện hợp pháp của ông C: bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo ủy quyền, được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 08/01/2018). (có mặt).

3. Bà Lê Thị Đ, sinh năm: 1938; (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp K 1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Anh Nguyễn Văn Trúc L, sinh năm: 1980; (có mặt).

4. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1978; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

5. Anh Tô Văn H2, sinh năm: 1973; (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/11/2015).

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Dương Duy C1, sinh năm: 1967; (vắng mặt)

2. Anh Dương Gia H3, sinh năm: 1999; (vắng mặt)

3. Anh Ngô Tấn L1, sinh năm: 1971; (vắng mặt)

4. Chị Đặng Thị S, sinh năm: 1974; (có mặt).

5. Chị Ngô Thị Ngọc T, sinh năm: 1993; (vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1955; (có mặt).

7. Bà Ngô Thị P1, sinh năm: 1960; (có mặt).

8. Chị Mai Thị T1, sinh năm: 1974; (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/11/2015).

9. Chị Tô Thị Mộng T2, sinh năm: 1996; (vắng mặt)

10. Anh Tô Văn Hoài C2, sinh năm 1999; (vắng mặt)

11. Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1983; (vắng mặt)

12. Bà Bùi Thị Đ1, sinh năm: 1940; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp K 1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn bà Lê Thị Thúy H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thúy H trình bày:

Trước đây bà có làm đơn khởi kiện ông Lê Văn H để yêu cầu mở lối đi. Tuy nhiên, hiện tại phần lối đi mà bà yêu cầu mở không đi ngang đất của ông H nên nay bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của mình là không khởi kiện ông H. Nay bà chỉ khởi kiện khởi kiện hộ gia đình bà Nguyễn Thị H1, hộ gia đình bà Lê Thị Đ, hộ gia đình anh Nguyễn Văn Trúc L và hộ gia đình anh Tô Văn H2 để yêu cầu mở lối đi.

Bà có 02 phần đất là phần đất nhà qua đo đạc thực tế thuộc thửa số 134 (thửa 797 cũ) và phần đất vườn qua đo đạc thực tế thuộc thửa số 102 (thửa 815 và 816 cũ). Phần đất nhà của bà thuộc thửa 134 giáp với đất ông Lê Văn H rồi tới đất vườn của bà thuộc thửa số 102. Phần đất nhà thuộc thửa số 134 không bị vây bọc vì phần đất này chạy dài và giáp lộ công cộng. Riêng phần đất vườn thuộc thửa số 102 không có lối đi, từ phần đất nhà của bà muốn đi ra thăm vườn

phải đi qua đất của ông H nhưng ông H không cho đi. Từ đất nhà có thể đi qua đất của ông K bà P là tới đất vườn nhưng ông K bà P không cho đi. Đất vườn của bà nằm phía sau đất ông Tô Văn H2, bước qua đất ông H2 là tới lộ công cộng nhưng ông H2 cũng không cho đi. Do đó, nay bà yêu cầu mở lối đi qua đất bà Nguyễn Thị H1, bà Lê Thị Đ, anh Nguyễn Văn Trúc L và anh Tô Văn H2 như hiện trạng đo đạc ngày 08/8/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện M để từ đất nhà của mình bà có thể đi ra đất vườn. Bà đồng ý hoàn lại giá trị đất, cây trồng và hàng rào cho phía bên kia theo giá của Hội đồng định giá. Bà đồng ý với kết quả đo đạc, định giá ngày 08/8/2017 nên không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà không đồng ý cho bà H đi qua lối đi mà bà H chỉ đo mà chỉ đồng ý cho đi qua lối đi do bà chỉ đo thuộc thửa 133C để đi qua đất ông Phan Văn Hung. Lý do bà không đồng ý cho bà H đi ngang qua đất của mình là vì bà H nhiều lần phá tán, trộm cắp tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự. Bà đồng ý với kết quả đo đạc, định giá ngày 08/8/2017 nên không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Dương Trung C trình bày:

Ông thống nhất với quan điểm của bà H1. Ông đồng ý với kết quả đo đạc, định giá ngày 08/8/2017 nên không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Bà không đồng ý cho đi qua đất của mình. Lý do bà không đồng ý cho bà H đi ngang qua đất của mình là vì bà H nhiều lần phá tán, trộm cắp tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự. Đất của bà rất ít mà con thì rất đông, khi bà chết sẽ chôn tại phần lối đi mà bà H yêu cầu. Bà đồng ý với kết quả đo đạc, định giá ngày 08/8/2017 nên không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Ngọc S trình bày:

Chị không đồng ý cho đi qua đất của mẹ chị. Lý do chị không đồng ý cho bà H đi ngang qua đất của mẹ chị là vì bà H phá tán, trộm cắp tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự. Đất của mẹ chị rất ít mà anh em thì rất đông, khi mẹ chị chết sẽ chôn tại phần lối đi mà bà H yêu cầu. Ngoài lối đi này ra bà H còn có 03 lối đi khác, cụ thể như sau:

- Từ đất nhà bà H bước qua con mương nhỏ là đất của ông Lê Văn Hón là tới đất vườn của bà H. Ông Lê Văn Hón là chú ruột của bà H.

- Từ đất nhà của bà H bước qua đất ông Khiêm tới đất bà Phướn (có lộ đal sắn) là tới đất vườn của bà H.

- Đất vườn bà H phía sau đất ông H2, bước qua đất ông H2 là tới lộ công cộng.

Chị đồng ý với kết quả đo đạc, định giá ngày 08/8/2017 nên không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Trúc L trình bày:

Trước khi anh mua đất bà H không có đi lối đi này, bà H cũng không hỏi anh để được đi mà khởi kiện anh. Nay anh không đồng ý cho bà H đi vì đất của bà H còn 03 lối đi khác như lời chị Sáng trình bày. Bà H nhiều lần phá tán, trộm cắp tài sản của người khác và gây mất an ninh trật tự nên anh không cho đi. Anh đồng ý với kết quả đo đạc, định giá ngày 08/8/2017 nên không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P trình bày:

Phần đất này trước đây mẹ vợ ông là bà Đ cho để làm sân nhưng diện tích rất hẹp nên không đồng ý cho đi vì bà H nhiều lần phá tán, trộm cắp tài sản của người khác và gây mất an ninh trật tự. Đất bà H có lối đi khác như lời chị Sáng trình bày. Ông đồng ý với kết quả đo đạc, định giá ngày 08/8/2017 nên không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bà Ngô Thị P1 trình bày:

Phần đất này trước đây mẹ bà là bà Đ cho để làm sân nhưng diện tích rất hẹp nên không đồng ý cho đi vì bà H nhiều lần phá tán, trộm cắp tài sản của người khác và gây mất an ninh trật tự. Đất bà H có lối đi khác như lời chị S trình bày. Bà đồng ý với kết quả đo đạc, định giá ngày 08/8/2017 nên không có ý kiến gì.

Sau khi hòa giải không thành Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

- Áp dụng Điều 275 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng các điều 5, 166, 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 219; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy H về việc yêu cầu ông Lê Văn Hón mở lối đi.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy H về việc yêu cầu hộ gia đình bà Nguyễn Thị H1, hộ gia đình bà Lê Thị Đ, hộ gia đình anh Nguyễn Văn Trúc L và hộ gia đình anh Tô Văn H2 mở lối đi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2017 nguyên đơn bà Lê Thị Thúy H kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Thúy H tại phiên Tòa phúc thẩm: bà không đồng ý với bản án sơ thẩm. Bà yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1, bà Lê Thị Đ, anh Nguyễn Văn Trúc L trình bày: yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị S, ông Nguyễn Văn P, bà Ngô Thị P1 trình bày: yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Lê Thị Thúy H giữ nguyên bản án sơ thẩm số 73/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của bà Lê Thị Thúy H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà H khởi kiện yêu cầu mở lối đi để đi qua 02 phần đất của bà là phần đất nhà thuộc thửa số 134 (thửa cũ 797) và phần đất vườn thuộc thửa số 102 (thửa cũ số 815 và 816), tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đối với phần đất nhà của bà H thuộc thửa số 134, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre thấy rằng: Bà H yêu cầu hộ gia đình bà H1, hộ gia đình bà Đ, hộ gia đình anh L và hộ gia đình anh H2 mở lối đi cho mình. Tuy nhiên, yêu cầu này của bà H chỉ được duy nhất phía anh H2 đồng ý. Tất cả các thành viên còn lại trong hộ gia đình bà H1, bà Đ và anh L đều không đồng ý. Riêng hộ gia đình bà H1 chỉ đồng ý cho bà H đi qua lối đi mà mình chỉ đo thuộc thửa số 133C (theo họa đồ hiện trang sử dụng đất ngày 08/8/2017) để đi qua đất của ông Phan Văn Hung chứ không đồng ý cho đi theo lối đi mà bà H yêu cầu. Bà H cũng không đồng ý đi theo lối đi mà phía bà Hường cho đi mà yêu cầu đi theo lối đi mà mình chỉ đo. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H khẳng định phần đất này không bị vây bọc vì phần đất này chạy dài và giáp với lộ công cộng. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc mở lối đi đối với phần đất này là có cơ sở.

- Đối với phần đất vườn của bà H thuộc thửa số 102 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre thấy rằng: Bà H cho rằng do không có lối đi từ đất nhà ra thăm đất vườn nên yêu cầu mở lối đi. Tuy nhiên, yêu cầu này của bà H đã không được các thành viên trong hộ gia đình bà Hường, bà Đ và anh L đồng ý. Tại phiên tòa sơ thẩm, phía bị đơn cho rằng ngoài lối đi mà bà H yêu cầu thì bà H còn 03 lối đi khác như sau: Từ đất nhà bà H bước qua con mương nhỏ tới đất chú ruột bà H là ông Lê Văn Hón là tới đất vườn của bà H; Từ đất nhà của bà H bước qua đất ông Khiêm tới đất bà Phướn (có lộ đal sẳn) là tới đất vườn của bà H; Đất vườn của bà H phía sau đất anh Tô Văn H2, bước qua đất anh H2 là tới lộ công cộng. Lời trình bày này của phía bị đơn cũng đã được bà H thừa nhận nhưng bà H cho rằng do ông Hón, ông Khiêm, bà Phướn và anh H2 không cho đi nên bà yêu cầu mở lối đi này. Xét thấy, hiện tại bà H chỉ có nhu cầu về lối đi đối với phần đất vườn thuộc thửa số 102. Từ phần đất vườn thuộc thửa số 102 có thể đi qua đất anh H2 là tới lộ công cộng; có thể đi qua đất ông Khiêm bà Phướn là tới đất nhà thuộc thửa số 134; có thể đi qua đất ông Lê Văn Hón (chú ruột bà H) là tới đất nhà thuộc thửa số 134. Tại phiên tòa, bà H cũng thừa nhận từ đất nhà thuộc thửa số 134 chỉ cần bắt cây cầu qua con mương nhỏ đất của ông Hón là tới đất vườn thuộc thửa số 102. Xét thấy, ngoài lối đi mà bà H yêu cầu mở bà H có thể đi nhiều lối đi khác thuận tiện hơn để đi vào phần đất vườn chứ đây không phải là lối đi duy nhất và thuận tiện nhất. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm nhận định nếu có nhu cầu về lối đi đối với phần đất vườn thuộc thửa số

102 thì bà H có thể liên hệ với ông Hón để thương lượng về việc yêu cầu mở lối đi và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là phù hợp. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 73/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

[2] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị Thúy H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thúy H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 73/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

Cụ thể tuyên: Áp dụng Điều 275 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 5, 166, 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy H về việc yêu cầu ông Lê Văn H mở lối đi.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy H về việc yêu cầu hộ gia đình bà Nguyễn Thị H1, hộ gia đình bà Lê Thị Đ, hộ gia đình anh Nguyễn Văn Trúc L và hộ gia đình anh Tô Văn H2 mở lối đi.

3. Về chi phí thu thập chứng cứ: Chi phí đo đạc, định giá tài sản là 4.150.000 (Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà Lê Thị Thúy H có nghĩa vụ chịu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 866.000đồng (tám trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu số 0019388 ngày 20/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Hoàn lại cho bà Lê Thị Thúy H số tiền 666.000 (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn).

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị Thúy H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011632 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương